

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày 08-5-2020

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Đắc Từ

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 462/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị P; cư trú tại thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T; cư trú tại thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Mai Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị P và ông Phạm Văn T chung sống với nhau do tự nguyện và có được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương từ năm 1994 nhưng đến ngày 03 tháng 10 năm 2001, bà và ông T mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình bố, mẹ đẻ ông T ở thôn K, xã Q, huyện A; năm 2001 thì chuyển đến cư trú tại thôn T, xã L, huyện A. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát

sinh mâu thuẫn do ông T sống không có trách nhiệm với gia đình, không chịu chăm lo kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2018, không ai quan tâm và trách nhiệm với nhau. Nay bà Mai Thị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phạm Ngọc T1 - sinh năm 1996, đã trưởng thành và tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Bà Mai Thị P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn của vợ chồng như bà Mai Thị P đã trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình gặp khó khăn, mặt khác bà P có quan hệ ngoại tình với người khác còn bản thân ông thì rượu chè, cờ bạc dẫn đến bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình, bạn bè khuyên ngăn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng nên bà P đã bỏ đi nơi khác, sống ly thân với ông từ năm 2018; hiện tại vợ chồng không còn có sự quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Nay bà Mai Thị P xin ly hôn, ông Phạm Văn T có quan điểm mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng nhưng vẫn chưa giải quyết xong về tài sản chung nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như bà Mai Thị P trình bày là đúng. Con chung hiện đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống.

Về tài sản chung: Nếu Tòa án giải quyết cho bà Mai Thị P được ly hôn, ông Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Mai Thị P được ly hôn với ông Phạm Văn T; về con chung, con chung Phạm Ngọc T1 - sinh năm 1996 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống. Về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Mai Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định bà Mai Thị P và ông Phạm Văn T chung sống cùng nhau do tự nguyện từ năm 1994; đến ngày 03 tháng 10 năm 2001, bà Mai Thị P và ông Phạm Văn T mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau; vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Mai Thị P và ông Phạm Văn T đã mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Mai Thị P được ly hôn với ông Phạm Văn T. Việc ông Phạm Văn T có quan điểm không đồng ý ly hôn do vợ chồng chưa giải quyết xong về tài sản là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Con chung Phạm Ngọc T1 - sinh năm 1996 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông Phạm Văn T có yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng, Tòa án đã yêu cầu ông Phạm Văn T làm đơn khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn; cung cấp các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến yêu cầu chia tài sản nhưng ông Phạm Văn T không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án. Do vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết yêu cầu chia tài sản của ông Phạm Văn T. Sau khi ly hôn, nếu ông T có yêu cầu và thực hiện việc khởi kiện theo đúng quy định của pháp luật, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Bà Mai Thị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Mai Thị P được ly hôn với ông Phạm Văn T.

2. Về án phí: Bà Mai Thị P phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Mai Thị P đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004610 ngày 17 tháng 12 năm 2019) nên không phải nộp tiếp.

Các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch